

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1608/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2727/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1349/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1964/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ X, khu B, phường CP, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Ông Dương Xuân G, sinh năm: 1984

Địa chỉ: số nhà 76 Đường X, Khu phố Y, phường HBC, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 24/8/2022; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và lời trình bày của nguyên đơn bà Trịnh Thị T:

Bà và ông Dương Xuân G tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 17/10/2019. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian thời gian ngắn, đến

năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do ông G thiếu quan tâm, chăm sóc cho bà và con nhỏ nên giữa vợ chồng thiếu sự gắn bó tình cảm. Bà đã nhiều lần trực tiếp nói chuyện và nhờ gia đình hai bên khuyên nhủ ông G cùng chia sẻ trách nhiệm nuôi dạy, chăm sóc con chung với bà, tuy nhiên ông G không lắng nghe, tiếp tục cư xử vô tâm khiến bà tổn thương tình cảm, từ đó vợ chồng bất hòa và không còn nói chuyện được với nhau. Tháng 6/2021 do mâu thuẫn căng thẳng không thể dàn xếp được nên bà đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, khi đi bà có thông báo cho ông G và gia đình, ông G cũng đồng ý. Từ thời gian đó đến nay giữa vợ chồng không thể giải quyết mâu thuẫn để quay về chung sống. Vì vậy, bà xác định không thể hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình hạnh phúc với ông G nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Dương Xuân G.

Con chung: Có một con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 21/11/2020. Bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Dương Xuân G, đồng thời nhiều lần triệu tập hợp lệ ông G đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Trịnh Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Dương Xuân G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trịnh Thị T được ly hôn ông Dương Xuân G. Giao con chung tên Dương Gia H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Phía nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 76/2019 ngày 17/10/2019 của Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị T và ông Dương Xuân G là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông G tham gia phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông G đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G đã xảy ra những mâu thuẫn do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Đến nay bà T xác định vợ chồng không còn quan tâm, gắn bó trách nhiệm đối với nhau. Thời gian vợ chồng tách ra sống riêng từ năm 2021 đến nay ông G không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm, quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông G không đến Tòa tham gia hòa giải, không có ý kiến thể hiện mong muốn đoàn tụ gia đình với bà T. Xét, quan hệ hôn nhân của ông G và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của nguyên đơn phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 747/2020 ngày 02/12/2020 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà T và ông G có con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 21/11/2020.

Xét, việc quyết định G con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Do con Dương Gia H dưới 36 tháng tuổi, đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông G và bà T không có thỏa thuận về việc nuôi con, bà T đủ điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con nên cần giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T về việc “Ly hôn” đối với ông Dương Xuân G;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Thị T được ly hôn ông Dương Xuân G.

1.2. Con chung: Giao con Dương Gia H (nữ), sinh ngày 21/11/2020 cho bà Trịnh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Dương Xuân G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Dương Xuân G được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nợ chung: Bà T xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2022/0006625 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.T;
- CCTHADS Tp.T;
- Dương sự;
- UBND phường CP,
thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh